

Số: 16/2018/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2018
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Doan và bà Nguyễn Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai, (có mặt);

Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện không đề ngày và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 26/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, chị H về làm dâu nhà anh M ngay và làm ăn ở chung cùng với gia đình anh M được một thời gian thì anh chị tách ra ở riêng trên đất và nhà của bố mẹ anh M. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do, trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng không hiểu nhau rồi kinh tế khó khăn làm

ăn không gặp, vợ chồng lại thiếu sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, thậm trí còn đánh nhau. Chị không chịu được cảnh sống như trên nên tháng 10 năm 2011, chị đưa 02 con lên Lào Cai để làm ăn rồi định cư ở đó, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn M.

Bị đơn là anh Phạm Văn M trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như lời trình bày trên của chị H là đúng. Theo anh M xác định thì lỗi chính dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do việc làm ăn kinh tế của anh không thuận lợi dẫn đến phá sản nợ nần nên anh không còn tâm trí và thời gian để quan tâm chăm sóc đến mẹ con chị H. Khi vợ chồng xảy ra việc cãi chửi nhau thì anh cố chấp thể hiện cái tôi của mình quá cao nên vào khoảng đầu năm 2012, chị H đã tự ý đưa con lên Lào Cai làm ăn rồi định cư ở đó. Từ đó đến nay anh và chị H sống ly thân nhau, mặc dù vợ chồng có khoảng thời gian sống ly thân với nhau khá dài nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh hy vọng chị H sẽ tha thứ lỗi lầm cho anh để vợ chồng về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con. Anh M xác định, nếu có thời gian thì hôn nhân giữa anh và chị H có thể sẽ hàn gắn được. Vì vậy, chị H xin ly hôn, anh không đồng ý và anh tha thiết xin Tòa án cho vợ chồng anh được về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Chị H và anh M đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Mai L, sinh ngày 30/9/2002 và Phạm Trung K, sinh ngày 09/10/2006; hiện tại các con đang ở với chị H. Ly hôn, chị H xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, anh M xác định. Nếu trong trường hợp anh và chị H phải ly hôn thì anh đồng ý và tự nguyện giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom nuôi dưỡng cả 02 con.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2018 của cháu Phạm Mai L và cháu Phạm Trung K, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh M đều xác định vợ chồng chị không có gì nên ly hôn anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H và cho chị H được ly hôn với anh Phạm Văn M. Về con chung: Giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Mai L, sinh ngày 30/9/2002 và Phạm Trung K, sinh ngày 09/10/2006. Anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh M.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh M không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Phạm Văn M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Anh M xác định, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H mặc dù có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau thời gian khá dài nhưng xét thấy vẫn còn và có thể hàn gắn lại được nên anh M không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án cho anh được đoàn tụ với chị H để vợ chồng có điều kiện cùng nhau nuôi dạy các con. Xét thấy, chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, chị H và anh M đều chưa ai kết hôn lần nào cho nên Hội đồng xét xử nhận định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và anh M đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và xác định thời gian vợ chồng sống ly thân với nhau vào khoảng cuối năm 2011 và đầu năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian sống ly

thân, cả anh M và chị H không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Anh M mong muốn được đoàn tụ nhưng anh M lại không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị H dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau trong một khoảng thời gian khá dài khoảng từ cuối năm 2011 cho đến nay. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn anh Phạm Văn M.

Về con chung: Chị H và anh M đều thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Mai L, sinh ngày 30/9/2002 và Phạm Trung K, sinh ngày 09/10/2006; hiện nay các con đang ở với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyện vọng của chị H và anh M đều xin được nuôi cả 02 con và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được nuôi cả 02 con, còn anh M đồng ý và tự nguyện giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng nếu vợ chồng phải ly hôn. Nguyện vọng của cháu L và cháu K đều xin được ở với mẹ, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Xét thấy, yêu cầu xin nuôi con của chị H là chính đáng. Tại phiên tòa, anh M, đồng ý và tự nguyện giao cả 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu L và cháu K đều xin được ở với mẹ phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, hiện tại cháu L và cháu K đang sinh sống ổn định trên Lào Cai cùng với chị H. Để đảm bảo tâm lý, tránh làm sáo trộn cuộc sống của các cháu. Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu L và cháu K cho đến khi thành niên. Do chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh M.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn M.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Mai L, sinh ngày 30/9/2002 và cháu Phạm Trung K, sinh ngày 09/10/2006 cho đến khi các cháu thành niên. Anh Phạm Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H; không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh M.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002085 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Hạnh